TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/DS-ST
Ngày: 03-02-2026
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc .

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Minh
2. Ông Lê Văn Thưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh An, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp *tham gia phiên tòa:* Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Ngọc V: Anh Dương Thành C, sinh năm 1991;

Địa chỉ: khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

(Theo giấy uỷ quyền ngày 11/11/2025)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

(anh C có mặt, bà T có mặt khi xét xử nhưng vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, B tự khai cùng ngày 04 tháng 11 năm 2025 và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Thành C trình bày như sau:

Do quan hệ bà con, ngày 24/4/2024 âm lịch (nhằm ngày 31/5/2024 dương lịch), chị Nguyễn Thị Ngọc V có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 235.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 15 tháng, hạn trả vào ngày 24/6/2025 âm lịch (nhằm ngày 18/7/2025 dương lịch), hai bên có làm giấy biên nhận mượn tiền. Sau khi vay, bà T chưa trả vốn và lãi cho chị V. Chị V nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Do đó, chị V khởi kiện yêu cầu bà T trả cho chị V số tiền vốn là 235.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 01/6/2024 cho đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 04/11/2025 là 66.317.000đồng, tổng cộng vốn và lãi tạm tính là 301.317.000đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bổ sung và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Khi vay, bà T có đưa cho chị V giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN04820 ngày 26/6/2024 và số CN1097 ngày 25/10/2024 cùng do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sử dụng đất. Sau khi vay, bà T có trả được 15.000.000đồng tiền lãi, vốn chưa trả. Chị V nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng đến nay bà T vẫn chưa thực hiện. Do đó, chị V yêu cầu bà T trả số tiền vốn là 235.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,66%/tháng, trừ số tiền lãi 15.000.000đồng chị T đã nhận nên tiền lãi bà V phải trả được tính tròn là 63.000.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 298.000.000đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật; chị V đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị V đang giữ nêu trên cho bà T khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22 tháng 12 năm 2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Do quan hệ bà con, ngày 24/4/2024 âm lịch (nhằm ngày 31/5/2024), bà có vay của chị Nguyễn Thị Ngọc V số tiền 235.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 15 tháng, hạn trả ngày 24/6/2025 âm lịch (nhằm ngày 18/7/2025 dương lịch), hai bên có làm giấy biên nhận mượn tiền. Khi vay, bà có đưa cho chị V giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN04820 ngày 26/6/2024 và số CN1097 ngày 25/10/2024 cùng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai huyện C tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sử dụng đất. Sau khi vay, bà có trả được 15.000.000đồng tiền lãi, vốn chưa trả. Đến nay, bà vẫn chưa trả được nợ cho chị V. Nay, qua yêu cầu của chị V, bà đồng ý trả số tiền 235.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ, bà không đồng ý trả lãi do hoàn cảnh của bà rất khó khăn; yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà đồng ý trả chị V số tiền vốn là 235.000.000đồng và tiền lãi là 63.000.000đồng (tiền lãi tính theo lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sau khi trừ số tiền lãi đã nhận 15.000.000đồng), tổng cộng là 298.000.000đồng nhưng bà không đồng ý trả khi án có hiệu lực pháp luật theo yêu cầu của chị V mà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Bà thống nhất chị V giao trả cho bà T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN04820 ngày 26/6/2024 và số CN1097 ngày 25/10/2024 cùng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sử dụng đất khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất với nhau như sau: Do mối quan hệ bà con thân tộc, vào ngày 24/4/2024 âm lịch (nhằm ngày 31/5/2024 dương lịch), chị Nguyễn Thị Ngọc V có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 235.000.000đồng, thời hạn vay là 15 tháng, hạn trả ngày 24/6/2025 âm lịch (nhằm ngày 18/7/2025 dương lịch), vay có lãi, hai bên có làm Giấy biên nhận mượn tiền ngày 24/4/2024 âm lịch. Khi vay, bà T có giao cho chị V giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN04820 ngày 26/6/2024 và số CN1097 ngày 25/10/2024 cùng do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sử dụng đất. Sau khi vay, bà T có trả được 15.000.000đồng tiền lãi, vốn chưa trả. Từ sau khi khoản nợ đến hạn, chị V nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết

nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giao dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, đồng thời, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn là 235.000.000đồng và tiền lãi.

[2] Về tiền lãi: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất giao dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay có lãi nhưng không thống nhất lãi suất vay. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các đương sự thống nhất lãi suất vay được tính theo mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử và thống nhất cấn trừ số tiền lãi 15.000.000đồng vào số tiền lãi bà T phải trả cho chị V. Xét thấy, tiền lãi được tính kể từ ngày vay là ngày 24/4/2024 âm lịch (nhằm ngày 31/5/2024 dương lịch) đến ngày xét xử là 01 năm 08 tháng 03 ngày với lãi suất 1,66%/tháng nên tiền lãi được xác định là 78.410.100đồng. Số tiền lãi 15.000.000đồng bà T đã trả các đương sự đều không xác định được thời gian trả và thống nhất cấn trừ vào số tiền lãi phải trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn nợ là 63.000.000đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn và lãi tổng cộng là 298.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, giao dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay có kỳ hạn và thời hạn trả nợ được xác định là ngày 24/6/2025 âm lịch (nhằm ngày 18/7/2025 dương lịch), mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng thỏa thuận. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi chậm trả do bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận bị đơn không phải trả các khoản tiền này.

[3] Về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Do giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản có lãi với lãi suất được xác định là 1,66%/tháng. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ trả tiền theo nhận định trên phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[4] Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN04820 ngày 26/6/2024 và số CN1097 ngày 25/10/2024 cùng do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sử dụng đất, nguyên đơn và bị đơn thống nhất nguyên đơn trả lại cho bị đơn khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[5] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhân.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi theo quy định tại Điều 1 của Luật Người cao tuổi và đơn đề nghị miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị đơn được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 14 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V số tiền là 298.000.000đồng (hai trăm chín mươi tám triệu đồng), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng số tiền và thời gian chậm thực hiện.

2/ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V có nghĩa vụ giao trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN04820 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C cấp ngày 26/6/2024 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN1097 ngày 25/10/2024 cùng cho bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sử dụng đất, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T được miễn án phí.

H lại cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V 7.533.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010816 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4/ Đương sự có mặt tại phiên tòa và đương sự có mặt tại phiên tòa khi xét xử nhưng vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSNDKV3-ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc